

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 27/01/2021

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Quách Trung Sơn**

2. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 323/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2020/QĐXXST-DS ngày 07/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, L, phường Z, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Tiết Văn Th** – Chức vụ: Tổng Giám đốc A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thành: Ông **Nguyễn Thế P** – Chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phương: Ông **Cao Văn H**. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch R – Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền số 559 ngày 30/12/2020)

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn U**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phan Thị K**, sinh năm: 1969.

- Anh **Lê Thanh T**, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H có mặt; Ông U, bà K, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của đại diện nguyên đơn Ngân hàng N(A), và lời khai tại phiên tòa của ông Cao Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng A Chi nhánh Cái Bè – Phòng giao dịch Hòa Khánh có ký kết với ông Lê Văn U Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-201406383 ngày 07/5/2014. Theo đó, ngân hàng cho ông U vay số tiền vốn là 50.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/5/2015. Vợ ông U là bà Phan Thị K và con là Lê Thanh T có cùng ông U ký Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn. Sau khi ký hợp đồng, phía ông U không thanh toán khoản vốn và lãi nào cho ngân hàng. Tính đến nay, đã quá hạn trả nợ. Phía ngân hàng cũng có nhiều lần làm việc nhưng phía ông U và vợ con của ông U trốn tránh nghĩa vụ.

Nay ngân hàng yêu cầu ông U cùng bà K và anh T liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 88.565.602 đồng (Tạm tính đến ngày 27/01/2021) trong đó vốn vay là 50.000.000 đồng, lãi là 38.565.602 đồng. Trường hợp chậm trả đề nghị tính lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong nợ. Nếu không thực hiện việc trả nợ, đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng là quyền sử dụng đất các thửa đất của hộ ông U mà hiện ngân hàng đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.518m² và thửa đất số 237, tờ bản đồ số MTRC2, diện tích 5.481m², tọa lạc ấp M, xã Tr, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, cấp cho hộ ông Lê Văn U đứng tên quyền sử dụng đất.

- Bị đơn ông Lê Văn U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K, anh Lê Thanh T không cung cấp lời khai cũng như ý kiến đối với việc ngân hàng khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông U, bà K và anh T trả các khoản chi phí có liên quan và yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản thế chấp của ông U; đối với các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

+ Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N là có cơ sở để chấp nhận một phần và phân tích nhiều lý lẽ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút của Ngân hàng; Chấp nhận một phần yêu cầu

khởi kiện của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc ông Lê Văn U trả số tiền nợ vay là 88.565.602 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K và anh Lê Thanh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu trường hợp chậm trả tính lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng chậm thi hành đến ngày trả tất nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng kiện ông U tranh chấp về hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Ngân hàng kiện ông U yêu cầu trả số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-201406383 ngày 07/5/2014, nên xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại các Điều 90 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- *Về việc vắng mặt của các đương sự:* Ông U là bị đơn, bà K và anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc Ngân hàng khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông U, bà K và anh T.

- *Về việc ủy quyền:* Nguyên đơn phía Ngân hàng A Cái Bè ủy quyền cho ông Cao Văn H (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2020). Xét việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên ông H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Theo đơn kiện Ngân hàng có yêu cầu ông U trả các khoản chi phí có liên quan và yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản của ông U, nhưng không xác định được các khoản chi phí cụ thể và số tiền bao nhiêu. Đồng thời, Tòa án cũng không có quyền phát mãi tài sản của ông U. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng rút hai yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ hai yêu cầu này.

[2.2]. Ngân hàng A Chi nhánh Cái Bè – Phòng giao dịch Hòa Khánh có ký kết với ông Lê Văn U Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-201406383 ngày 07/5/2014 theo đó ngân hàng cho ông U vay số tiền vốn là 50.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/5/2015. Vợ ông U là bà Phan Thị K và con là Lê Thanh T có cùng ông U ký

Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn. Sau khi ký hợp đồng, phía ông U không thanh toán khoản vốn và lãi nào cho ngân hàng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn ông U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K, anh T đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và dự phiên tòa xét xử việc ngân hàng khởi kiện nhưng ông U, bà K và anh T vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc ngân hàng khởi kiện, xem như ông U, bà K và anh T đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-201406383 ngày 07/5/2014, ông U là người đứng ra vay của Ngân hàng số tiền vốn là 50.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/5/2015, nhưng đến nay chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do vậy, Ngân hàng kiện yêu cầu ông U trả số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi là 38.565.602 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 88.565.602 đồng (Tính đến ngày 27/01/2021) là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Buộc ông U trả cho Ngân hàng số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi là 38.565.602 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 88.565.602 đồng.

[2.3]. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bà K và anh T (Vợ và con ông U) liên đới cùng ông U trả số tiền trên. Xét thấy theo “Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn” đề ngày 07/5/2014, ông U là người đứng tên vay có ghi tên bà K và anh T nhưng với tư cách là người cùng hộ không phải là những người cùng vay. Hơn nữa, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-201406383 ngày 07/5/2014, ông U là người đứng ra vay của Ngân hàng số tiền vốn là 50.000.000 đồng, không có tên bà K và anh T hoặc ký tên cùng vay trong Hợp đồng tín dụng này, do vậy việc Ngân hàng yêu cầu bà K và anh T liên đới cùng ông U trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-201406383 ngày 07/5/2014 là không có căn cứ, nên không chấp nhận phần yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà K và anh T liên đới cùng ông U trả tiền.

[2.4]. Ngoài ra, Ngân hàng có yêu cầu ông U trả tiền lãi chậm trả sau khi xét xử đến khi trả xong tiền. Xét thấy, đối với khoản tiền lãi chậm trả sau khi xét xử chưa tới hạn. Hơn nữa, cũng chưa xác định được thời gian ông U trả hoặc cơ quan Thi hành án thi hành khoảng thời gian cụ thể, nên không chấp nhận phần yêu cầu này của Ngân hàng.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh Cái Bè chỉ có một phần cơ sở, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cái Bè.

- Buộc ông Lê Văn U' trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cái Bè số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi (Tính đến ngày xét xử) là 38.565.602 đồng, tổng cộng là 88.565.602 đồng.

- Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông U' chậm trả tiền thì còn phải trả tiếp tiền lãi theo mức suất mà các bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-201406383 ngày 07/5/2014.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cái Bè yêu cầu ông U', bà K và anh T trả các khoản chi phí có liên quan và yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản thế chấp của ông U'.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cái Bè yêu cầu bà Phan Thị K và anh Lê Thanh T liên đới cùng ông Lê Văn U' trả tiền.

4. Không chấp nhận phần yêu cầu của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cái Bè yêu cầu ông U', bà K và anh T trả tiền lãi chậm trả sau khi xét xử đến khi trả xong tiền.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông U' chịu 4.428.280 đồng.

- Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cái Bè chịu 300.000 đồng án phí phần không được chấp nhận yêu cầu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 2.148.000 đồng theo biên lai thu số 0004060 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên hoàn lại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cái Bè số tiền 1.848.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông U', bà K, anh T được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN